

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 /05/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiệp

2. Ông Ngô Văn Lưu

Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/05/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 268/2025/TLST - HNGĐ ngày 22/04/2025 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/05/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1984. Có mặt

HKTT: Số nhà D, đường N, khu N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;

Địa chỉ: C chung cư T, khu N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Lê Quý B, sinh năm 1983. Có mặt

HKTT: Số nhà D, đường N, khu N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Lê Quý B kết hôn ngày 20/12/2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B ngày nào cũng rượu chè, nhiều lần cặp bồ bị chị N bắt gặp. Đến tháng 2/2023, chị N bắt gặp anh B ngoại tình bốn lần. Vợ chồng ly thân từ tháng 2/2023 đến nay.

Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Lê Quý B.

Vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Lê Thùy D, sinh ngày 30/11/2015 và cháu Lê Trường G, sinh ngày 31/07/2017. Chị N đề nghị nuôi cả hai con chung. Chị N yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu Lê Trường G với mức 2.500.000đ/tháng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Lê Thùy D.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn là anh Lê Quý B trình bày: Anh công nhận về thời điểm kết hôn, con chung như chị N trình bày là đúng. Năm 2021, vợ chồng chuyển ra ở riêng tại chung cư T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ. Vợ chồng ly thân từ tháng 2/2023 đến nay, anh B đã chuyển về ở với bố mẹ tại số nhà D N, N, phường N (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Nay đối với yêu cầu ly hôn của chị N, anh B đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ly hôn, anh đề nghị nuôi cháu Lê Trường G, giao cháu Lê Thùy D cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh B và đề nghị được nuôi cả 2 con, đề nghị cấp dưỡng 2.500.000đ cho cháu G đến khi 18 tuổi.

Anh B đồng ý ly hôn, xin được nuôi cháu G, đề nghị giải quyết cấp dưỡng theo qui định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 58, 165, 195, 232 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N. Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Lê Quý B.

Về con chung: Giao cháu Lê Thùy D, sinh ngày 30/11/2015 và cháu Lê Trường G, sinh ngày 31/07/2017 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu G 2.500.000đ/tháng đến thời điểm cháu G đủ 18 tuổi. Không xem xét giải quyết cấp dưỡng đối với cháu D do không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị N yêu cầu ly hôn anh Lê Quý B, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Lê Quý B có địa chỉ tại số nhà D, đường N, khu N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Chị Phạm Thị N và anh Lê Quý B kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2013 tại Ủy ban nhân dân phường N (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Đối với yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị N và anh B mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 2/2023 đến nay. Anh B đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N. Xét thấy, tình cảm vợ chồng chị N, anh B đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị N.

Vợ chồng có 02 con chung là: cháu Lê Thùy D, sinh ngày 30/11/2015 và cháu Lê Trường G, sinh ngày 31/07/2017. Chị N đề nghị chăm sóc cả hai con chung; anh B đề nghị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G, cháu D giao cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng; Xét thấy, giờ giấc làm việc của chị N linh hoạt, thuận tiện chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, anh B còn thường xuyên đi làm về muộn, trực ca, đi công tác dài ngày, mặt khác, hai con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ, vì vậy giao cho chị N chăm sóc cả con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N đề nghị anh B cấp dưỡng nuôi cháu G 2.500.000đ/tháng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng cháu D. Xét thấy, anh Ba K trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung, chị N yêu cầu anh B cấp dưỡng cho cháu G 2.500.000đ/tháng kể từ tháng 6/2025 cho

đến khi cháu G đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật. Đối với cháu D, chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho cháu D, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị N tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Lê Quý B.

Về con chung: Giao cháu Lê Thùy D, sinh ngày 30/11/2015 và cháu Lê Trường G, sinh ngày 31/07/2017 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu G 2.500.000đ/tháng kể từ tháng 6/2025 đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Không xem xét giải quyết cấp dưỡng đối với cháu D do không yêu cầu.

Sau khi ly hôn hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0000368 ngày 18/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thành phố Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- UBND phường Tiền Ninh Vệ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thu Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiệp

Ngô Văn Lưu

Vũ Thu Trang